

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 12 năm 2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chung

Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Hoài Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Đào Khánh Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 244/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Huyền T, sinh năm: 1979

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường N, thị xã N, tỉnh K

Địa chỉ liên lạc: Khu công nghiệp S, xã B, huyện T, tỉnh Đ. Vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Thạch V, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường N, thị xã N, tỉnh K. Vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn Trần Thị Huyền T trình bày: Tôi và ông Trần Thạch V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến năm 2003 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn,

kinh cãi nhau, nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tôi và ông V không còn quan tâm, chăm sóc nhau từ năm 2014 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trần Thạch V.

Về con chung: Vợ chồng chúng tôi có với nhau 03 con chung là Trần Khánh H – sinh ngày 05/5/1999, Trần Khánh H – sinh ngày 04/6/2000 và Trần Ánh Khánh H – sinh ngày 05/10/2007. Nay ly hôn, tôi xin giao con chung chưa thành niên Trần Ánh Khánh H – sinh ngày 05/10/2007 cho ông V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn Trần Thạch V trình bày: Tôi và bà T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến năm 2003 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N và có với nhau 03 con chung như bà T đã trình bày. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên cuộc sống không hạnh phúc, chúng tôi không còn quan tâm và chung sống cùng nhau từ năm 2014 cho đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn, tôi đồng ý.

Về con chung: Tôi đồng ý với yêu cầu của bà T về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); Giấy khai sinh con (bản sao); bản photo chứng minh nhân dân của bà Trần Thị Huyền T, ông Trần Thạch V; sổ hộ khẩu ông Trần Thạch V (bản photo); biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Trần Thị Huyền T và ông Trần Thạch V.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu

cầu của nguyên đơn, bà Trần Thị Huyền T được ly hôn với ông Trần Thạch V;

Về con chung: Bà T và ông V có 03 con chung là Trần Khánh H - sinh ngày 05 tháng 5 năm 1999, Trần Khánh H – sinh ngày 04 tháng 6 năm 2000 và Trần Ánh Khánh H – sinh ngày 05 tháng 10 năm 2007. Cháu Trần Ánh Khánh H – sinh ngày 05 tháng 10 năm 2007 chưa thành niên, hiện đang sống cùng ông V, cháu H có nguyện vọng được ở với ông V nên giao cho ông V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng; Con chung Trần Khánh H - sinh ngày 05 tháng 5 năm 1999, Trần Khánh H – sinh ngày 04 tháng 6 năm 2000 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận;

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trang và ông V đều xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Trên cơ sở yêu cầu của đương sự và nội dung vụ án, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn ông Trần Thạch V cư trú tại: Tổ dân phố H, phường N, thị xã H, tỉnh K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Huyền T và ông Trần Thạch V tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16/2003, ngày 23 tháng 5 năm 2003 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa bà T và ông V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, kình cãi nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ đó, làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc và chung sống cùng nhau từ năm 2014 đến nay. Bà T xác định không còn tình cảm với ông V nên yêu cầu ly hôn với ông V. Ông V thừa nhận toàn bộ lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân là đúng. Nay tình cảm vợ

chồng không còn, bà T yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

[3] Về con chung: Bà T và ông V có 03 con chung là Trần Khánh H - sinh ngày 05 tháng 5 năm 1999, Trần Khánh H – sinh ngày 04 tháng 6 năm 2000 và Trần Ánh Khánh H – sinh ngày 05 tháng 10 năm 2007. Nay ly hôn, bà đồng ý giao con chung chưa thành niên Trần Ánh Khánh H – sinh ngày 05 tháng 10 năm 2007 cho ông V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng; Cháu H có nguyện vọng được ở với ông V, ông V đồng ý với lời trình bày của bà T về con chung; Con chung Trần Khánh H - sinh ngày 05 tháng 5 năm 1999, Trần Khánh H – sinh ngày 04 tháng 6 năm 2000 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, yêu cầu của bà T là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu H nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Huyền T và ông Trần Thạch V đều xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Huyền T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Huyền T được ly hôn ông Trần Thạch V.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên Trần Ánh Khánh H – sinh ngày 05 tháng 10 năm 2007 cho ông Trần Thạch V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà Trần Thị Huyền T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2022.

Bà Trần Thị Huyền T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai

được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Huyền T và ông Trần Thạch V đều xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Huyền T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003793 ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà Trần Thị Huyền T còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quy định chung: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã Ninh Sơn (GCNKH số 16 ngày 23/5/2003);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Trung